

Chị và anh Vũ Văn Tr kết hôn với nhau vào ngày 15/3/2019. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã TH, huyện YT, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr không quan tâm, chăm lo cho gia đình, ham chơi dẫn tới nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế chung của gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Vũ Đại Nguyên, sinh ngày 19/02/2020, hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác định trước khi kết hôn chị có tài sản gồm 05 (năm) chỉ vàng là của hồi môn bố mẹ để cho chị. Tháng 7/2019 thì bố mẹ chồng chị là ông Vũ Văn Ch và bà Tạ Thị Ph đã vay chị số vàng này để lo việc gia đình đến nay chưa trả. Nay chị và anh Tr ly hôn, chị yêu cầu ông Ch và bà Ph cùng có trách nhiệm trả cho chị số vàng trên bằng tiền trên theo giá vàng tại thời điểm vay là 4.000.000 đồng/01 chỉ tương đương số tiền 20.000.000 đồng.

* Tại biên bản ghi lời khai anh Vũ Văn Tr trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị Th vào năm 2019. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện YT, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 11/2020 thì chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Th.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Vũ Đại Nguyên, sinh ngày 19/02/2020, hiện đang ở với chị Th. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị Th không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng không có ý kiến gì.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ riêng: Trước khi cưới thì chị Th có được bố mẹ chị cho 05 chỉ vàng làm của hồi môn, khoảng tháng 7/2019 thì bố mẹ anh có vay chị Th số vàng này để lo công việc gia đình. Anh xác định số vàng này là của riêng chị Th,

không liên quan gì đến anh. Anh sẽ có trách nhiệm nhắc bố mẹ anh trả chị Th số vàng này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph thống nhất trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Tr, khoảng tháng 7/2019 ông bà có vay chị Th 05 (Năm) chỉ vàng để lo việc gia đình. Nay chị Th ly hôn anh Tr thì ông bà cam kết cùng có trách nhiệm trả cho chị Th số vàng này. Chị Th yêu cầu trả bằng tiền hay bằng vàng thì ông bà đều nhất trí, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn ông bà xin thu xếp cuối năm sẽ trả cho chị Th số vàng này.

* Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh Tr, chị Th sinh sống xác định: Anh Tr, chị Th kết hôn năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr mãi chơi không quan tâm đến gia đình. Chị Th đã không còn chung sống với anh Tr từ tháng 11/2020 đến nay, từ khi chị Th bỏ đi thì thỉnh thoảng có cho con về nhà anh Tr chốc lát rồi lại đi ngay.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Tr là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh Tr xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Tr mãi chơi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay không ai quan tâm ai, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Tr. Về con chung: giao cháu Vũ Đại Nguyên cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị Th, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về công nợ: Buộc ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph cùng có trách nhiệm trả cho chị Th 05 (năm) chỉ vàng bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm vay là 4.000.000 đồng/01 chỉ tương đương số tiền 20.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph cùng phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Th xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, công nợ với anh Vũ Văn Tr, anh Tr có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Chị Th, anh Tr, ông Ch, bà Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Vũ Văn Tr kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện YT. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Chị Th xin ly hôn, anh Tr đồng ý. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Th và anh Tr có nhiều mâu thuẫn do anh Tr không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Mặt khác, cả chị Th và anh Tr đều thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay không còn khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị Th và anh Tr đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Đại Nguyên, sinh ngày 19/02/2020. Chị Th có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Anh Tr đồng ý cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con, mặt khác con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cháu Nguyên cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, ruộng canh tác: Chị Th và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về công nợ: Căn cứ lời khai nhận nợ của ông Ch, bà Ph xác định hiện ông bà còn nợ chị Th 05 (Năm) chỉ vàng. Xét thấy đây là tài sản riêng của chị Th cho ông Ch, bà Ph vay, mặt khác ông Ch, bà Ph thống nhất đồng ý trả riêng cho chị Th, nên cần buộc ông Vũ Văn Ch và bà Tạ Thị Ph trả nợ gốc cho chị Đặng Thị Th 05 (năm) chỉ vàng bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm vay là 4.000.000 đồng/01 chỉ tương đương số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 280; Điều 463; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 3, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đại Nguyên, sinh ngày 19/02/2020 cho chị Đặng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về công nợ: Buộc ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph cùng có trách nhiệm trả cho chị Đặng Thị Th số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 800.000 đồng chị Th đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004657 ngày 02/3/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT thu. Xác nhận chị Đặng Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả chị Đặng Thị Th số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004657 ngày 02/3/2021.

Ông Vũ Văn Ch, bà Tạ Thị Ph cùng phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã TH, YT, BG
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng